

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 217-HĐBT ngày 14-11-1987 ban hành các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Nghị quyết số 3-NQ/HNTU của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 khóa 6;

Căn cứ Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp ngày 29 tháng 10 năm 1987;

Đề thực hiện một bước đổi mới cơ chế quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở quốc doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản quy định của Hội đồng Bộ trưởng về đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh. Các quy định này được áp dụng để xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch Nhà nước kể từ năm 1988.

Điều 2. — Bãi bỏ Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 về việc ban hành các bản quy định tạm thời về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở cũng như các văn bản kèm theo và Thông tư hướng dẫn của các Bộ có liên quan đến Quyết định đó.

Điều 3. — Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan có liên quan theo quyền hạn và trách nhiệm của mình, ban hành các thông tư hướng dẫn áp dụng nội dung của Quyết định này.

Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các cấp, liên hiệp các xí nghiệp và các đơn vị cơ sở quốc doanh thi hành Quyết định này.

Quyết định này cần ban hành ngay để kịp thời cụ thể hóa và triển khai Nghị quyết lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương; không cầu toàn, sau này có thể bổ sung hoặc sửa đổi những điểm cần thiết.

Điều 4. — Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc biệt khu vực thuộc Trung ương có nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, đôn đốc thực hiện và lập báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý về kết quả thực hiện Quyết định này cũng như đề xuất những kiến nghị bổ sung gửi đến Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng và Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương để tổng hợp trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xem xét.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng

K. T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

QUY ĐỊNH về các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh.

(ban hành kèm theo Quyết định số 217-HĐBT ngày 14-11-1987 của Hội đồng Bộ trưởng).

Phần thứ I

KẾ HOẠCH HÓA

Điều 1. — Mục tiêu và căn cứ xây dựng kế hoạch.

Kế hoạch của xí nghiệp quốc doanh nhằm mục tiêu sử dụng một cách hợp lý

nhất toàn bộ giá trị tài sản Nhà nước giao cho tập thể lao động trong xí nghiệp trực tiếp quản lý để phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, và hiệu quả kinh tế — xã hội tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và dịch vụ cần thiết cho xã hội, tạo nguồn thu ngày càng lớn cho ngân sách quốc gia, và cải thiện từng bước đời sống công nhân, viên chức.

Xí nghiệp có quyền tự chủ xây dựng và thực hiện kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Căn cứ để xây dựng kế hoạch của xí nghiệp là phương hướng, chủ trương phát triển kinh tế — xã hội của Đảng, các chính sách, những định mức chuẩn của Nhà nước, quy hoạch của ngành, các chỉ tiêu pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng Nhà nước giao, các hợp đồng đã được ký kết, kết quả nghiên cứu nhu cầu thị trường, những thông tin, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, những kết quả liên kết kinh tế, những kết quả nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật, v. v. ...

Phương án kế hoạch của xí nghiệp do giám đốc chỉ đạo xây dựng, có sự tham gia của tập thể công nhân, viên chức và cuối cùng do đại hội công nhân, viên chức quyết định trên nguyên tắc bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ đối với Nhà nước và hợp đồng đã ký kết.

Điều 2. — Nội dung kế hoạch.

Kế hoạch của xí nghiệp bao gồm các bộ phận gắn bó chặt chẽ với nhau như kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bao gồm cả kế hoạch xuất nhập khẩu, kế hoạch vật tư — kỹ thuật; kế hoạch lao động và tiền lương; kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản; kế hoạch nghiên cứu ứng dụng và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; kế hoạch tiết kiệm và hạ giá thành

sản phẩm; kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch tài chính và tín dụng; kế hoạch đời sống, văn hóa, xã hội.

1. Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm phản ánh toàn bộ quá trình sản xuất từ mọi nguồn cân đối vật tư, tiền vốn do xí nghiệp huy động được và toàn bộ hoạt động tiêu thụ sản phẩm cho tất cả các khách hàng của xí nghiệp kể cả xuất khẩu cũng như các hoạt động bảo hành, dịch vụ kỹ thuật đối với sản phẩm của xí nghiệp và tổ chức bán sản phẩm mẫu, phụ tùng thay thế, kể cả bán lẻ sản phẩm với số lượng nhỏ, sản phẩm chế thử, v. v. ...

Đối với những sản phẩm trọng yếu nằm trong danh mục do Nhà nước quy định, xí nghiệp xây dựng và thực hiện kế hoạch theo yêu cầu và khả năng cân đối vật tư, năng lượng và các điều kiện vật chất cơ bản khác. Nhà nước giao kế hoạch pháp lệnh cho xí nghiệp tương ứng với khả năng cân đối vật tư chủ yếu, năng lượng, phương tiện vận tải và chỉ cho xí nghiệp nguồn cung ứng và địa chỉ tiêu thụ số sản phẩm đó.

Để nghiên cứu ứng dụng, mở rộng dần hình thức đặt hàng của Nhà nước và đấu thầu thay dần cho kế hoạch pháp lệnh, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì cùng với các ngành và địa phương tổ chức thí điểm hai hình thức này ở một số đơn vị, báo cáo tổng kết và đề ra phương án tích cực mở rộng thực hiện trong các năm sau trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng vào đầu quý IV năm 1988.

Danh mục sản phẩm trọng yếu sản xuất theo kế hoạch pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước do Nhà nước quyết định hàng năm theo hướng giảm dần số lượng sản phẩm trong danh mục đó đến mức tối thiểu cần thiết.

— Xí nghiệp tìm mọi cách phát triển sản xuất mọi sản phẩm và dịch vụ nằm

trong và ngoài danh mục do Nhà nước quy định theo khả năng tối đa của mình. Xí nghiệp phải đăng ký nhãn hiệu, chất lượng sản phẩm, giá cả tiêu thụ với các cơ quan có thẩm quyền.

— Xí nghiệp có quyền mở rộng các hoạt động giao hoặc nhận gia công cho các đơn vị khác, tổ chức dịch vụ kỹ thuật, bảo hành, sửa chữa cho các sản phẩm của mình cũng như cung ứng linh kiện thay thế cho sản phẩm do xí nghiệp làm ra.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.

Trên cơ sở bảo đảm duy trì và mở rộng tổng giá trị tài sản được Nhà nước giao, xí nghiệp có quyền mua sắm, đổi mới máy móc, thiết bị, cải tạo, mở rộng nhà xưởng phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh; xử lý số tài sản không cần dùng đến bằng cách nhượng bán, trao đổi, cho thuê. Trường hợp cần bán tài sản cố định, xí nghiệp phải báo lên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để xem xét. Sau 30 ngày, kể từ khi gửi báo cáo, nếu cơ quan cấp trên không có ý kiến, xí nghiệp được bán tài sản đó.

Xí nghiệp đầu tư duy trì sản xuất, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm và mở rộng sản xuất bằng vốn tự có và vốn vay Ngân hàng, vay từ các nguồn khác nói tại điều 22, phần IV.

Cơ quan cấp trên trực tiếp của xí nghiệp có thể hỗ trợ xí nghiệp về việc cân đối bổ sung một phần vật tư, thiết bị hoặc tiền vốn điều từ các xí nghiệp khác, với điều kiện có sự thỏa thuận và nhất trí về việc mua, bán hoặc thuê, vay giữa xí nghiệp giao và xí nghiệp nhận số vật tư, thiết bị hoặc tiền vốn đó.

Đối với những công trình xây dựng cơ bản mới vượt khả năng vốn tự có và vốn vay, xí nghiệp có thể được Nhà nước hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách, khi xét thấy công trình đầu tư đó mang lại hiệu quả lớn.

3. Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng và ứng dụng tiến bộ khoa học — kỹ thuật.

Xí nghiệp xây dựng chương trình phát triển khoa học — kỹ thuật, lập kế hoạch nghiên cứu ứng dụng và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân, viên chức.

Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tập trung giải quyết các yêu cầu cấp bách là đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm vật tư, năng lượng, sử dụng nguyên vật liệu thay thế, sử dụng nguyên vật liệu trong nước. Xí nghiệp quan tâm đúng mức đến đổi mới mặt hàng và có biện pháp cải thiện điều kiện sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Xí nghiệp tự thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học — kỹ thuật hoặc ký kết hợp đồng với các cơ sở sản xuất khác, các trường học hoặc các cơ quan nghiên cứu khác và cá nhân nhà khoa học kỹ thuật để thực hiện.

Vốn để thực hiện kế hoạch nghiên cứu ứng dụng và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được xí nghiệp xác lập từ các nguồn quỹ phát triển sản xuất của xí nghiệp, quỹ tài trợ của cấp trên xí nghiệp hoặc ngân sách Nhà nước (nếu có), vốn tín dụng Ngân hàng hoặc vốn vay từ các nguồn khác như nói tại phần IV về tài chính — kế toán.

Xí nghiệp được sử dụng phần lợi nhuận tăng thêm hay giá trị tiết kiệm được do ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đưa lại trong thời gian từ một đến ba năm kể từ khi công trình phát huy tác dụng để bổ sung cho các quỹ của xí nghiệp và thưởng cho những tập thể và cá nhân đã đóng góp vào kết quả trên. Tỷ lệ cụ thể cho từng quỹ do đại hội công nhân, viên chức cùng Giám đốc quy định. Thời gian được sử dụng hiệu quả này để bổ sung các quỹ của xí nghiệp do Bộ Tài chính quy định cụ thể đối với các loại khác nhau.

4. Kế hoạch đời sống và xã hội.

Xí nghiệp có kế hoạch cải thiện điều kiện ăn, ở, đi lại và bảo vệ sức khỏe của công nhân, viên chức trong xí nghiệp, thường xuyên mở rộng phúc lợi công cộng cho công nhân, viên chức. Xí nghiệp lập kế hoạch mở rộng các hình thức gia công cho công nhân, viên chức; tổ chức kinh tế gia đình nhằm góp phần tăng sản phẩm cho xí nghiệp và tăng thu nhập chính đáng cho công nhân, viên chức.

Xí nghiệp cùng công đoàn đề ra kế hoạch sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi vào việc tu bổ và xây dựng thêm nhà ở, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà ăn, nhà nghỉ và các công trình văn hóa của xí nghiệp.

5. Các kế hoạch vật tư kỹ thuật, lao động — tiền lương, giá thành, lợi nhuận, tài chính, tín dụng được xây dựng theo quy định tại các phần tương ứng nói dưới đây.

Điều 3. — Hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh đối với xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.

Tùy theo yêu cầu và khả năng cân đối của Nhà nước về các điều kiện vật chất cơ bản cho xí nghiệp, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao cho xí nghiệp từ 1 đến 3 chỉ tiêu pháp lệnh như sau:

a) Đối với việc sản xuất các sản phẩm trọng yếu theo yêu cầu của Nhà nước và được Nhà nước bảo đảm cân đối các điều kiện vật chất chủ yếu thì giao 3 chỉ tiêu:

— Số lượng và chất lượng sản phẩm chủ yếu tiêu thụ theo địa chỉ quy định; trong đó ghi rõ phần cho quốc phòng và cho xuất khẩu (nếu có).

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện; trong đó ghi rõ kim ngạch xuất khẩu (nếu có).

— Các khoản nộp ngân sách.

Sản phẩm trọng yếu là sản phẩm chuẩn. Căn cứ vào tính năng sử dụng và giá trị

của nó, xí nghiệp có quyền cùng với các cơ quan cung ứng và tiêu thụ thỏa thuận xác định những sản phẩm quy đổi hợp lý để đưa vào kế hoạch sản xuất, vừa bảo đảm yêu cầu của Nhà nước, vừa phù hợp với khả năng cung ứng vật tư và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

b) Đối với việc sản xuất các sản phẩm không thuộc danh mục sản phẩm trọng yếu của Nhà nước (ngoài kế hoạch pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước) và đối với các dịch vụ sửa chữa được Nhà nước cân đối một phần năng lượng, vật tư, thì giao hai hoặc một chỉ tiêu:

— Giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện.

— Các khoản nộp ngân sách.

c) Đối với việc sản xuất và dịch vụ sửa chữa chủ yếu bằng vật tư do xí nghiệp tự cân đối, thì giao một chỉ tiêu: các khoản nộp ngân sách.

Theo hướng trên đây, các xí nghiệp thuộc các ngành khác, tùy điều kiện sản xuất cụ thể, được giao từ 1 đến 3 chỉ tiêu pháp lệnh sau đây:

1. Đối với xí nghiệp xây lắp.

— Danh mục công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao.

— Giá trị sản lượng xây lắp đã được nghiệm thu.

— Các khoản nộp ngân sách.

2. Đối với xí nghiệp vận tải.

— Khối lượng mặt hàng chủ yếu vận chuyển theo địa chỉ quy định.

— Khối lượng vận chuyển về luân chuyển hàng hóa (hành khách).

— Các khoản nộp ngân sách.

3. Đối với xí nghiệp thương nghiệp quốc doanh và xí nghiệp vật tư.

— Khối lượng mặt hàng chủ yếu bán (mua) theo địa chỉ quy định.

— Doanh số bán (mua).

— Các khoản nộp ngân sách.

4. Đối với các cơ sở dịch vụ ăn uống, giao một chỉ tiêu: các khoản nộp ngân sách.

Về lâu dài, khi Nhà nước đã chuyển toàn bộ kế hoạch pháp lệnh thành đơn đặt hàng và pháp luật hóa các định mức kinh tế thì bỏ hẳn chỉ tiêu pháp lệnh trong kế hoạch xí nghiệp.

Điều 4. — Về báo cáo và bảo vệ kế hoạch.

Xí nghiệp gửi báo cáo phương án kế hoạch hoàn chỉnh lên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp 10 ngày trước khi bảo vệ phần chỉ tiêu pháp lệnh theo đúng hệ thống báo biểu do Nhà nước quy định. Đồng thời, xí nghiệp gửi các phần kế hoạch có liên quan đến các cơ quan kế hoạch, thống kê, tài chính, ngân hàng, vật tư, giá cả và lao động có quan hệ. Nếu là xí nghiệp quốc doanh do Trung ương quản lý thì đồng gửi phương án kế hoạch hoàn chỉnh đến Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, nơi xí nghiệp đóng; xí nghiệp quốc doanh do địa phương quản lý thì đồng gửi phương án kế hoạch sản xuất cho Bộ trưởng hoặc Tổng cục trưởng có chức năng quản lý ngành để phục vụ cho quá trình phối hợp, điều hòa kế hoạch trên phạm vi lãnh thổ và theo ngành.

Xí nghiệp trực thuộc Bộ, Tổng cục, bảo vệ kế hoạch trước Bộ trưởng hoặc Tổng cục trưởng. Xí nghiệp trực thuộc Ủy ban Nhân dân các cấp bảo vệ kế hoạch trước Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp chủ quản. Xí nghiệp trực thuộc liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh bảo vệ kế hoạch trước Tổng giám đốc liên hiệp.

Thủ trưởng các cơ quan nêu trên chỉ giao nhiệm vụ kế hoạch pháp lệnh đối với phần sản xuất sản phẩm trọng yếu của xí nghiệp tương ứng với khả năng cân đối vật tư của mình, phần còn lại của kế hoạch thuộc quyền quyết định của tập thể công nhân, viên chức xí nghiệp.

Điều 5. — Xí nghiệp được giao số hướng dẫn cho phần kế hoạch pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước chậm nhất là tháng 10 năm trước và được thông qua kế hoạch từ đầu tháng 12 năm trước để kịp thời chuẩn bị và triển khai sản xuất ngay từ đầu năm kế hoạch.

Xí nghiệp tiến hành phân tích định kỳ hoạt động kinh tế, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và hợp đồng kinh tế để có các biện pháp kịp thời điều hành kế hoạch; báo cáo công khai hoạt động của xí nghiệp cho công nhân, viên chức trong xí nghiệp, và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

Điều 6. — Trong quá trình thực hiện xí nghiệp có thể đề nghị bổ sung thêm kế hoạch theo chỉ tiêu pháp lệnh. Nếu vì lý do khách quan không được cân đối các điều kiện vật chất, thiên tai, sự cố lớn, v.v... mà không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao, thì xí nghiệp đề nghị cơ quan giao kế hoạch xem xét cho điều chỉnh. Cơ quan giao kế hoạch có trách nhiệm điều chỉnh kịp thời nhiệm vụ kế hoạch pháp lệnh giao cho xí nghiệp tương ứng với mức vật tư Nhà nước bảo đảm cho xí nghiệp.

Điều 7. — Kết thúc năm kế hoạch, giám đốc xí nghiệp có trách nhiệm gửi báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch toàn diện của xí nghiệp lên cơ quan giao kế hoạch, để xác định mức độ hoàn thành kế hoạch của xí nghiệp. Kết quả thực hiện kế hoạch pháp lệnh của xí nghiệp được tính tương ứng với số vật tư, năng lượng xí nghiệp thực tế nhận được từ các nguồn do Nhà nước cân đối. Trường hợp thấy có hiện tượng báo cáo của xí nghiệp không đúng sự thật, cơ quan này mới tiến hành kiểm tra tại xí nghiệp. Giám đốc xí nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo và xí nghiệp chịu trách nhiệm vật chất theo kết quả kiểm tra.

Phần thứ II

VẬT TƯ KỸ THUẬT

Điều 8. — Về lâu dài việc bảo đảm vật tư — kỹ thuật cho xí nghiệp dựa trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm, kết hợp với sự sử dụng đúng đắn mối quan hệ hàng hóa — tiền tệ, bỏ chế độ cấp phát vật tư, giao nộp sản phẩm, thực hiện chế độ mua bán vật tư và sản phẩm theo hợp đồng kinh tế.

Trước mắt, đối với vật tư — kỹ thuật Nhà nước thống nhất quản lý, Nhà nước giao nhiệm vụ pháp lệnh cho các tổ chức kinh doanh vật tư để bán đủ theo giá chỉ đạo và theo định mức cho các xí nghiệp sản xuất ra sản phẩm trọng yếu theo kế hoạch pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước cũng như cho các công trình trọng điểm của Nhà nước. Phần vật tư còn lại, thông qua các cơ quan kinh doanh vật tư, Nhà nước (theo phân cấp nói ở điều 10) ưu tiên bán cho các cơ sở sản xuất bảo đảm chất lượng sản phẩm hàng hóa, có năng suất và hiệu quả cao, đóng góp được nhiều cho ngân sách Nhà nước. Đối với phần vật tư này, Nhà nước thực hiện việc thu chênh lệch giá (nếu có) trực tiếp ở khâu sản xuất hoặc bán vật tư theo giá bảo đảm kinh doanh. Xí nghiệp được quyền tự tổ chức khai thác hoặc thông qua liên kết, liên doanh với các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư để huy động mọi nguồn vật tư tiềm tàng vào sản xuất trên cơ sở giá thỏa thuận và hợp đồng kinh tế.

Nghiêm cấm các xí nghiệp, cơ quan không có chức năng kinh doanh vật tư mua, bán vật tư để kiếm lời.

Điều 9. — Mọi dịch vụ về vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý cũng như vật tư thông dụng phải được đưa vào kế hoạch của tổ chức kinh doanh vật tư.

Các đơn vị được chỉ định bán vật tư, năng lượng cho xí nghiệp phải chịu trách

nhiệm vật chất theo pháp luật, nếu không ký kết hợp đồng hay không thực hiện hợp đồng đã ký.

Ngoài nguồn vật tư tập trung nhập khẩu theo hiệp định của Chính phủ và vật tư mua của xí nghiệp sản xuất theo chỉ tiêu pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước, các tổ chức kinh doanh vật tư Nhà nước được quyền mở rộng quan hệ trực tiếp, tìm mua vật tư thuộc các nguồn phân tán; hùn vốn liên doanh, liên kết hoặc vay ngoại tệ để nhập khẩu trực tiếp vật tư thuộc danh mục được phân công kinh doanh và bán cho các cơ sở sản xuất và tiêu dùng theo giá cả và thể thức do hai bên thỏa thuận.

Điều 10. — Các cơ quan có thẩm quyền giao chỉ tiêu pháp lệnh về sản lượng các sản phẩm chủ yếu hoặc giao đơn đặt hàng của Nhà nước phải phối hợp tính toán, trao đổi thống nhất với các tổ chức kinh doanh vật tư và đơn đốc, kiểm tra các cơ quan đó nhằm bảo đảm chỉ tiêu pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng phù hợp với khả năng đáp ứng vật tư, và phải chịu trách nhiệm về các chỉ tiêu, đơn đặt hàng đó.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phối hợp với các Bộ có liên quan lập bảng cân đối các vật tư Nhà nước thống nhất quản lý, phân phối cho các mục tiêu kinh tế quan trọng và cho quốc phòng, an ninh để Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trình Hội đồng Bộ trưởng; Hội đồng Bộ trưởng giao nhiệm vụ và chỉ tiêu pháp lệnh về bảo đảm vật tư cho các tổ chức kinh doanh vật tư (qua các Bộ trưởng quản lý các ngành kinh doanh vật tư). Cuối năm xí nghiệp phải cùng với cơ quan Nhà nước đã giao kế hoạch pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng cho xí nghiệp quyết toán việc sử dụng vật tư. Căn cứ vào định mức kinh tế — kỹ thuật đã quy định, nếu số vật tư xí nghiệp thực nhận trong năm thừa so với nhu cầu vật tư cần để sản xuất ra khối lượng sản phẩm đã thực hiện thì xí nghiệp phải hoàn trả lại Nhà nước hoặc trừ vào kế hoạch năm sau.

Các Bộ trưởng, Tổng cục trưởng quản lý ngành kinh tế — kỹ thuật, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, được thông báo khả năng vật tư, cùng các thông tin kinh tế — kỹ thuật cần thiết khác, chịu trách nhiệm chỉ đạo các xí nghiệp trực thuộc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, lưu thông theo nguyên tắc nói ở điều 8.

Các Bộ trưởng, Tổng cục trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương tổ chức thí điểm và mở rộng dần việc cung ứng vật tư, năng lượng cho cơ sở sản xuất không phân biệt các thành phần kinh tế theo nguyên tắc nói trên đây và theo phương thức đấu thầu.

Điều 11. — Các xí nghiệp trọng điểm, có nhu cầu vật tư lớn và ổn định, được nhận trực tiếp vật tư từ cơ sở sản xuất hoặc từ bến cảng nhập khẩu theo chỉ tiêu kế hoạch và hợp đồng đã ký. Trong trường hợp xí nghiệp sản xuất nhận vật tư bằng phương tiện vận tải của mình, thì xí nghiệp được bên kinh doanh vật tư thanh toán lại phần chi phí vận tải cần thiết.

Phần thứ III

TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Điều 12. — Đối với các sản phẩm là tư liệu sản xuất hoặc tư liệu tiêu dùng trọng yếu được Nhà nước giao kế hoạch pháp lệnh, hoặc đơn đặt hàng, xí nghiệp có trách nhiệm bán cho các tổ chức kinh doanh vật tư, thương nghiệp quốc doanh hoặc thương nghiệp hợp tác xã được chỉ định, theo chỉ tiêu kế hoạch và theo hợp đồng được ký kết.

Đối với các sản phẩm ngoài chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh và những sản phẩm khác, xí nghiệp ưu tiên bán cho các tổ chức

kinh doanh vật tư và thương nghiệp quốc doanh. Nếu tổ chức kinh doanh vật tư và thương nghiệp quốc doanh không nhận mua thì xí nghiệp bán cho các tổ chức kinh doanh và các hộ tiêu thụ khác.

Điều 13. — Các xí nghiệp sản xuất ra sản phẩm trọng yếu, theo chỉ tiêu pháp lệnh có số lượng lớn và ổn định, các sản phẩm khó bảo quản, cần tiêu thụ nhanh hoặc những sản phẩm có bao bì chuyên dùng cần được thu hồi nhanh được bán thẳng sản phẩm của mình cho các tổ chức kinh doanh vật tư, thương nghiệp quốc doanh và các hộ tiêu thụ ổn định theo hợp đồng ký kết trực tiếp với các đơn vị này.

Xí nghiệp chịu trách nhiệm đối với người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm của mình; có trách nhiệm bảo hành đối với những sản phẩm kỹ thuật; phải cùng với hệ thống cung ứng vật tư hoặc thương nghiệp tổ chức mạng lưới bảo hành, sửa chữa sản phẩm của mình và bán phụ tùng lẻ thay thế cho số sản phẩm đó.

Tất cả các sản phẩm tiêu dùng có tính năng kỹ thuật khi xuất xưởng phải có dấu chất lượng, có giấy bảo hành và hướng dẫn sử dụng; các điều này phải được cam kết cụ thể trong hợp đồng về thể thức kiểm hóa khi giao nhận.

Điều 14. — Đề tập trung huy động các nguồn hàng vào hệ thống thương nghiệp quốc doanh, các đơn vị thương nghiệp tổ chức nắm nhu cầu, thị hiếu của khách hàng; khai thác thêm vật tư ngoài danh mục do Nhà nước thống nhất quản lý đề hỗ trợ cho xí nghiệp và chủ động ký hợp đồng mua sản phẩm của các xí nghiệp sản xuất.

Bộ Nội thương, Bộ Vật tư chỉ đạo các tổ chức kinh doanh căn cứ vào cân đối vật tư — hàng hóa của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ký hợp đồng về mua sản phẩm của các xí nghiệp để có sự điều phối hợp lý giữa các vùng. Bộ Nội thương nghiên

cứu trình Hội đồng Bộ trưởng đề án xóa bỏ các hình thức quản lý trung gian trong hệ thống thương nghiệp tạo điều kiện cho sản phẩm của người sản xuất nhanh chóng đến tay người tiêu dùng, giảm tồn thất và chi phí không cần thiết.

Điều 15. — Đối với những sản phẩm trong danh mục, được sản xuất bằng vật tư chủ yếu do Nhà nước phân phối, nếu các tổ chức kinh doanh vật tư hoặc thương nghiệp quốc doanh không nhận ký hợp đồng mua hoặc không thực hiện đúng hợp đồng mua đã ký kết, thì xí nghiệp báo cáo lên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và cơ quan trọng tài kinh tế để giải quyết. Sau 30 ngày kể từ khi báo cáo mà cấp trên không giải quyết hoặc trả lời, xí nghiệp có quyền ký hợp đồng bán số sản phẩm đó cho các hộ tiêu thụ khác.

Phần thứ IV

TÀI CHÍNH — KẾ TOÁN

Điều 16. — Xí nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tự trang trải tài chính và kinh doanh có lãi. Nhằm mục đích đó, xí nghiệp tổ chức sử dụng linh hoạt các nguồn lực của mình, lựa chọn những phương án kinh tế — kỹ thuật, phương án sản xuất — kinh doanh tổng hợp tốt nhất trên cơ sở hoàn thành kế hoạch pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng Nhà nước giao, nhằm đạt hiệu quả kinh tế — xã hội cao, làm giá trị tài sản của xí nghiệp và đóng góp vào ngân sách Nhà nước ngày càng tăng lên, hoạt động của xí nghiệp ngày càng mở rộng, đời sống của công nhân, viên chức ngày càng được cải thiện.

Điều 17. — Xí nghiệp chấp hành đầy đủ các quy định về kế toán thống kê

thống nhất của Nhà nước; thực hiện nghiêm túc chế độ ghi chép ban đầu, chịu trách nhiệm bảo đảm sự chính xác của số liệu.

Xí nghiệp tiến hành việc hạch toán đến các phân xưởng, tổ, đội sản xuất và người lao động; thực hiện phân tích kinh tế nhằm phát hiện những khâu yếu kém và tìm biện pháp khắc phục để tăng nhanh hiệu quả kinh tế, tạo ra lợi nhuận ngày một cao.

Điều 18. — Tài sản của xí nghiệp gồm tài sản cố định và vốn lưu động, thuộc sở hữu toàn dân được Nhà nước cấp ban đầu một lần tương ứng với nhiệm vụ thiết kế của xí nghiệp, và giao cho tập thể công nhân, viên chức xí nghiệp trực tiếp quản lý và sử dụng để phát triển sản xuất.

Điều 19. — Đối với tài sản cố định, xí nghiệp có nhiệm vụ sử dụng có hiệu quả cao, duy trì và phát triển năng lực và tổng giá trị của số tài sản đó nhằm đáp ứng nhiệm vụ sản xuất ngày càng tăng. Xí nghiệp có nhiệm vụ thường xuyên thay thế, đổi mới tài sản cố định cho phù hợp với yêu cầu sản xuất và yêu cầu áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Đối với trang thiết bị, diện tích nhà xưởng, kho tàng, phương tiện vận tải, bốc xếp khi chưa dùng đến, trang thiết bị cũ, những tài sản đã trích xong khấu hao theo chế độ, xí nghiệp có quyền cho thuê hoặc nhượng bán... như đã quy định ở điểm 2, điều 2, phần I.

Tiền cho thuê hoặc tiền bán tài sản được đưa vào quỹ phát triển sản xuất của xí nghiệp.

Nghiêm cấm việc mua đi, bán lại tài sản cố định để kiếm lời.

Đối với trang thiết bị chưa trích hết khấu hao theo chế độ mà đã hỏng do xí nghiệp sử dụng sai quy trình, quy phạm xí nghiệp phải trích phần lợi nhuận được

Nhà nước để lại cho xí nghiệp để bù vào số giá trị còn lại của trang thiết bị đó.

Nguyên giá tài sản cố định hiện có, giá trị hao mòn thực tế và giá trị còn lại (vốn cố định) của tài sản cố định được xác định phù hợp với mặt bằng giá mới theo quy định hiện hành.

Điều 20. — Toàn bộ tiền trích khấu hao cơ bản tài sản cố định đều để lại cho xí nghiệp. Đối với những công trình kinh tế mới đưa vào hoạt động, có vốn đầu tư xây dựng cơ bản lớn, Nhà nước huy động một phần vốn khấu hao cơ bản vào ngân sách Nhà nước. Bộ Tài chính trình Hội đồng Bộ trưởng quy định cụ thể về việc này.

Điều 21. — Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của xí nghiệp để đầu tư chiều sâu hoặc mở rộng được xác lập từ các nguồn tiền khấu hao cơ bản đã trích, một phần quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, một phần quỹ phúc lợi từ lợi nhuận để lại của xí nghiệp và nếu thiếu, vay ngân hàng hoặc huy động vốn từ các nguồn khác như quy định tại điều 22.

Xí nghiệp có toàn quyền sử dụng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản của mình để đổi mới tài sản cố định, duy trì và nâng cao năng lực sản xuất.

Trường hợp xét thấy sửa chữa lớn tài sản cố định quá tốn kém và không có hiệu quả, xí nghiệp có thể sử dụng phần vốn khấu hao sửa chữa lớn dành cho tài sản đó bổ sung vào vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản để mua sắm tài sản cố định thay thế. Ngược lại, trong những trường hợp cần thiết, xí nghiệp có thể sử dụng một phần vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản chưa sử dụng để bổ sung vốn sửa chữa lớn.

Trên cơ sở cân đối chung về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản trong ngành, liên hiệp các xí nghiệp hoặc tổng công ty được điều hòa vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản từ nơi thừa đến nơi thiếu trong nội bộ liên hiệp hoặc tổng công ty nhưng phải

được sự thỏa thuận của xí nghiệp. Khi xí nghiệp có yêu cầu về vốn đầu tư thì liên hiệp hoặc tổng công ty phải điều trả lại vốn cho xí nghiệp theo nguyên giá ban đầu.

Điều 22. — Vốn lưu động định mức của xí nghiệp được Nhà nước cấp ban đầu một lần. Trường hợp Nhà nước điều chỉnh giá thì mức vốn đó được Nhà nước xác định lại và bổ sung kịp thời khi cần thiết. Ngoài vốn Nhà nước cấp, xí nghiệp được tạo vốn bằng cách trích từ lợi nhuận để lại cho xí nghiệp; vay vốn ngân hàng, kể cả vay bằng ngoại tệ; vay của các đơn vị kinh tế khác và vay vốn của nhân dân, vay vốn của kiều bào hay vay vốn nước ngoài theo nguyên tắc xí nghiệp phải bảo đảm sản xuất có hiệu quả, tự trả đủ vốn và lãi cho người cho vay và có tích lũy.

Bộ Tài chính nghiên cứu và cho tổ chức làm thử việc mua, bán cổ phần ở một số xí nghiệp và báo cáo kết quả lên Hội đồng Bộ trưởng vào cuối năm 1988.

Điều 23. — Xí nghiệp được tính vào giá thành sản phẩm các yếu tố sau đây:

1. Vật tư, năng lượng, theo giá thực mua (giá Nhà nước quy định hoặc giá thỏa thuận).

2. Lãi vay để đầu tư chiều sâu, lãi vay vốn lưu động trong kế hoạch (bao gồm vay trong định mức và trên định mức trong kế hoạch Nhà nước).

3. Các khoản chi phí khác theo Nhà nước quy định.

Không đưa vào giá thành sản phẩm lãi vay trên định mức ngoài kế hoạch, các khoản tiền phạt và các khoản chi không đúng chế độ.

Điều 24. — Lợi nhuận để lại của xí nghiệp được xác định trên cơ sở tổng doanh thu thực hiện (giá tiêu thụ) trừ (—) giá thành sản phẩm, trừ (—) các khoản nộp ngân sách trừ (—) các khoản nộp lãi, nộp phạt đã hình thành.

Xí nghiệp phân bổ số lợi nhuận đó cho các quỹ của xí nghiệp theo sự nhất trí

giữa Đại hội công nhân viên chức và Giám đốc xí nghiệp, trong đó phần dành cho quỹ phát triển sản xuất không ít hơn 35% tổng số lợi nhuận thu được.

Xí nghiệp nộp 1% phần lợi nhuận trích lập quỹ phát triển sản xuất hàng năm để lập quỹ dự trữ tài chính tập trung ở cấp liên hiệp xí nghiệp, tổng công ty (nếu có). Xí nghiệp có nghĩa vụ đóng góp một phần quỹ phúc lợi của mình cho quỹ phúc lợi chung của địa phương nơi xí nghiệp đóng. Mức độ đóng góp theo quy định thống nhất của Hội đồng Bộ trưởng.

Bộ Tài chính xác định và tổ chức làm thủ tục để lại lợi nhuận cho xí nghiệp và các khoản nộp ngân sách (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) đối với từng loại xí nghiệp khác nhau, tổng kết và trình Hội đồng Bộ trưởng xét vào quý I năm 1988.

Bộ Tài chính cùng Bộ Lao động — Thương binh và xã hội có sự tham gia của Tổng Công đoàn Việt Nam xây dựng và chỉ đạo thí điểm thực hiện chế độ xí nghiệp chủ động quyết định phương án phân phối thu nhập của xí nghiệp bao gồm cả tiền lương và lợi nhuận. Thu nhập của xí nghiệp được xác định theo nguyên tắc lấy tổng doanh thu trừ (—) các khoản nộp ngân sách theo chế độ, các khoản chi phí vật chất (C1 + C2) và các khoản nộp lãi, nộp phạt, nếu có. Cuối năm 1988 có báo cáo tổng kết trình Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 25. — Việc nộp đúng và đủ thu quốc doanh, trích nộp lợi nhuận và các khoản thu khác vào ngân sách Nhà nước theo thể chế hiện hành là nghĩa vụ bắt buộc đối với xí nghiệp.

Để khuyến khích xí nghiệp phát triển sản xuất, trong những năm trước mắt, Nhà nước ổn định tỷ lệ thu quốc doanh cũng như tỷ lệ trích nộp lợi nhuận cho xí nghiệp theo nguyên tắc thu thống nhất cho các sản phẩm giống nhau, trên cùng

địa bàn khu vực, không phân biệt xí nghiệp do cấp trên nào quản lý.

Bộ trưởng Bộ Tài chính cùng với Bộ trưởng (Tổng cục trưởng) các ngành sản xuất, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nhanh chóng rà soát ổn định các tỷ lệ thu quốc doanh và trích nộp lợi nhuận cho các xí nghiệp theo hướng vừa chống thất thu ngân sách, vừa khuyến khích các xí nghiệp huy động mọi tiềm năng mở rộng sản xuất.

Nghiêm cấm các ngành, các địa phương tự quy định các khoản thu thêm ngoài chế độ thu thống nhất do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Nhà nước sẽ ban hành các chế độ thu vào ngân sách như thu về sử dụng vốn sản xuất, thu về sử dụng nguồn lao động, thu về sử dụng tài nguyên thiên nhiên và thu về lợi tức thay cho các khoản thu hiện hành.

Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức việc nghiên cứu đề án đổi mới cơ chế thu ngân sách đối với các xí nghiệp quốc doanh trình Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt vào đầu quý II năm 1988.

Điều 26. — Xí nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu và có quỹ ngoại tệ phải chấp hành các nhiệm vụ thanh toán, thu nộp ngân sách và sử dụng ngoại tệ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Phần thứ V

GIA CẢ

Điều 27. — Đối với các sản phẩm thuộc danh mục Nhà nước thống nhất quản lý giá:

1. Xí nghiệp xây dựng phương án giá sản phẩm theo sự hướng dẫn về chính sách, nguyên tắc, phương pháp tính giá do Ủy ban Vật giá Nhà nước ban hành.

2. Xí nghiệp bảo vệ mức giá kiến nghị trước một cơ quan duyệt giá theo quy chế phân cấp quản lý giá của Nhà nước. Ủy ban Vật giá Nhà nước trình Hội đồng Bộ trưởng sửa đổi quy chế phân cấp quản lý giá đề ban hành trong tháng 12 năm 1987.

3. Cơ quan duyệt giá quyết định giá sau khi đã trao đổi với xí nghiệp và phải duyệt giá kịp thời, chậm nhất là 20 ngày (nếu là sản phẩm được sản xuất bằng nguyên liệu có tính chất thời vụ thì 10 ngày) kể từ khi nhận được phương án giá đúng thể thức và nội dung quy định. Quá hạn đó xí nghiệp được quyền mua, bán theo giá đề nghị trong phương án. Khi có giá chính thức không phải thanh toán lại.

Điều 28. — Xí nghiệp được quyền quyết định hoặc thỏa thuận với khách hàng về giá các loại sản phẩm và dịch vụ sau:

1. Các sản phẩm và dịch vụ ngoài danh mục Nhà nước định giá.

2. Sản phẩm sản xuất thử, sản xuất làm mẫu, sản phẩm được Nhà nước cho phép bán giới thiệu mặt hàng tại các hội chợ triển lãm hoặc tại các cửa hàng giới thiệu sản phẩm mới.

3. Sản phẩm điều động nội bộ xí nghiệp hoặc xí nghiệp liên hợp để tiếp tục quá trình sản xuất, nhưng không được làm đội giá sản phẩm cuối cùng.

4. Phụ tùng và dịch vụ sửa chữa đơn chiếc theo yêu cầu của khách hàng.

5. Sản phẩm sản xuất đơn chiếc theo yêu cầu của khách hàng.

6. Vật tư, hàng hóa kém, mất phẩm chất.

7. Có sự thỏa thuận của khách hàng đề tính thêm vào giá bán sản phẩm của xí nghiệp do Nhà nước quy định phần chi phí làm bổ sung theo yêu cầu của khách

hàng mà chưa ghi trong hợp đồng, hoặc trừ khỏi giá bán sản phẩm phần chi phí do không đáp ứng yêu cầu của khách hàng đã ghi trong hợp đồng vì những nguyên nhân khách quan.

Điều 29. — Xí nghiệp hoặc liên hiệp các xí nghiệp được Nhà nước cho phép trực tiếp ký kết hợp đồng xuất, nhập khẩu với các tổ chức kinh tế nước ngoài thì có quyền thỏa thuận với các cơ sở kinh tế có quan hệ liên doanh liên kết trong nước (và với các xí nghiệp trực thuộc, nếu là liên hiệp) về giá giao dịch (bao gồm cả giá vật tư, thiết bị, hàng tiêu dùng và giá sản phẩm làm ra), trên cơ sở hạch toán kinh tế, mỗi bên hợp đồng hoặc liên kết tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi và làm đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Điều 30. — Đối với sản phẩm và dịch vụ thuộc danh mục Nhà nước định giá:

— Sản phẩm đã được Nhà nước chỉ đạo giá bán lẻ (đối với hàng tiêu dùng), giá bán buôn vật tư (đối với tư liệu sản xuất) thì giá tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp là giá bán lẻ hàng tiêu dùng hoặc giá bán buôn vật tư trừ chiết khấu thương nghiệp hoặc chiết khấu vật tư.

— Sản phẩm được sản xuất theo đơn đặt hàng của quốc phòng, sản phẩm xuất khẩu, xí nghiệp căn cứ vào Điều lệ tính giá của Nhà nước để xây dựng phương án giá trình cơ quan có thẩm quyền duyệt giá quyết định.

— Sản phẩm là tư liệu sản xuất quan trọng hoặc là hàng tiêu dùng thiết yếu thuộc diện trước mắt Nhà nước còn tạm thời định giá bán thấp cho người tiêu dùng thì giá tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp phải bảo đảm cho xí nghiệp bù đắp đủ chi phí hợp lý và có lãi thỏa đáng; Nhà nước trợ giá ở khâu lưu thông. Nếu sản phẩm tiêu thụ không qua cơ quan lưu thông thì xí nghiệp được Nhà nước

trợ giá. Mức trợ giá được quy định có thời hạn để xí nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch tài chính.

Điều 31.— Đối với sản phẩm và dịch vụ ngoài danh mục Nhà nước định giá:

Xí nghiệp được toàn quyền thỏa thuận với khách hàng về giá vật tư (giá đầu vào), giá tiêu thụ sản phẩm (giá đầu ra) trên cơ sở tính toán chặt chẽ, chính xác giá thành. Giá mua vật tư và giá tiêu thụ sản phẩm phải thấp hơn và tối đa không được vượt giá cả thị trường tự do tại nơi và thời điểm mua bán. Xí nghiệp chịu sự kiểm tra của Nhà nước về chính sách giá, thuế, quản lý thị trường và lưu thông hàng hóa.

Điều 32.— Sản phẩm tiêu dùng và dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Nhà nước có cùng chất lượng, bán cho cùng một đối tượng, trên cùng một địa bàn thì không phân biệt nguồn vật tư đưa vào sản xuất do Nhà nước cung ứng theo kế hoạch hoặc do xí nghiệp tự kiểm đều phải bán theo giá thống nhất. Nhà nước quy định cơ chế thu bù chênh lệch đối với sản phẩm được sản xuất chủ yếu bằng vật tư do xí nghiệp tự kiểm; nếu chưa có cơ chế thu bù thì xí nghiệp được bán theo giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp (bao gồm cả tư liệu sản xuất) hoặc theo giá thỏa thuận.

Điều 33.— Giá cả do cấp có thẩm quyền quyết định, bao gồm cả giá tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp, phải được công bố rộng rãi cho mọi người biết để thực hiện.

Trên cơ sở giá cả đã được công bố, phải tăng cường kiểm tra việc thực hiện của các ngành, các cấp, các xí nghiệp. Xử lý nghiêm khắc những đơn vị và cá nhân vi phạm lý luật Nhà nước về giá theo pháp luật hiện hành.

Xí nghiệp có trách nhiệm cung cấp kịp thời những tài liệu cần thiết như định mức tiêu hao vật tư, lao động; đơn giá

vật tư, đơn giá tiền lương; khấu hao tài sản cố định... theo yêu cầu của cơ quan duyệt giá, kiểm tra và thanh tra giá và phải chấp hành nghiêm chỉnh chính sách giá, kỷ luật của Nhà nước về giá, các mức giá, khung giá, tỷ giá do Nhà nước đã quy định.

Phần thứ VI

TIỀN TỆ, TÍN DỤNG VÀ THANH TOÁN

Điều 34.— Xí nghiệp được mở tài khoản tại ngân hàng và phải gửi các loại vốn bằng tiền chưa sử dụng vào ngân hàng và được ngân hàng trả lãi.

Xí nghiệp có quyền chọn cơ sở ngân hàng thuận lợi nhất trong phạm vi tỉnh và thành phố để mở tài khoản tiền gửi chính và giao dịch để thực hiện các dịch vụ gửi, rút tiền; vay, trả tiền và thanh toán. Đồng thời, xí nghiệp được mở các tài khoản tiền gửi phụ và tài khoản tiền vay phụ ở các ngân hàng thuộc địa phương khác, nơi có các đơn vị có quan hệ với xí nghiệp hoạt động.

Xí nghiệp được toàn quyền sử dụng các loại vốn có tại tài khoản tiền gửi của mình và được ngân hàng trả lãi cho số dư tiền gửi trong tài khoản; được ngân hàng bảo đảm bí mật về số dư trên tài khoản, bí mật về các hoạt động của xí nghiệp và thực hiện thu nhận, chi trả tiền theo lệnh của xí nghiệp; được ngân hàng thông báo hàng tháng hoặc theo yêu cầu của xí nghiệp về tình hình hoạt động của tài khoản.

Xí nghiệp chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về nguồn vốn và về tính chất, mục đích sử dụng vốn ghi trên các chứng từ thanh toán của mình; chấp hành nghiêm chế độ quản lý tiền mặt, chế độ thanh toán không bằng tiền mặt của Nhà nước.

Điều 35.— Các khoản thu chi tiền mặt của xí nghiệp đều gửi vào và lấy ra ở tài khoản của mình tại ngân hàng, trừ số thu chi tiền mặt cần dùng trong ngày theo chế độ quản lý tiền mặt của Nhà nước cho phép.

Mọi khoản thanh toán giữa các đơn vị có tài khoản ở ngân hàng, dầu cùng hay khác địa phương, đều thực hiện bằng chuyển khoản, trừ số tiền nhỏ theo mức quy định của chế độ quản lý tiền mặt của Nhà nước.

Xí nghiệp cần chuyển tiền mặt với số lượng lớn từ địa phương này sang địa phương khác phải qua hệ thống ngân hàng.

Điều 36.— Hàng năm xí nghiệp đăng ký quỹ lương với ngân hàng nơi xí nghiệp mở tài khoản. Các khoản chi lương, thưởng được dự trù trong kế hoạch tiền mặt hàng quý phù hợp với định mức tiền lương theo sản phẩm và theo mức độ thực hiện kế hoạch của xí nghiệp.

Hàng tháng ngân hàng chi trả tiền lương, thưởng theo yêu cầu và theo đăng ký của xí nghiệp nếu trên tài khoản của xí nghiệp còn tiền; cuối quý cùng xí nghiệp thanh toán và cuối năm quyết toán.

Điều 37.— Xí nghiệp có quyền yêu cầu ngân hàng thực hiện các quyế định chi cho mình trong phạm vi vốn của xí nghiệp còn ở các tài khoản tại ngân hàng.

Khi xí nghiệp có nhu cầu chi vượt quá mức vốn tự có thì được vay tín dụng. Ngân hàng có quyền cho vay hoặc không cho vay tùy theo khả năng nguồn vốn tín dụng của ngân hàng và hiệu quả việc đầu tư đó.

Ngân hàng có trách nhiệm và có quyền kiểm tra thu hồi nợ trước hạn, nếu xí nghiệp vi phạm hợp đồng tín dụng.

Điều 38.— Ngân hàng thực hiện cấp phát thay tài chính vốn xây dựng cơ bản

đối với các công trình mới hoặc đầu tư mở rộng theo kế hoạch của Nhà nước, theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước bằng nguồn vốn của ngân sách Nhà nước do tài chính chuyển sang.

Xí nghiệp là chủ đầu tư được trọn quyền sử dụng vốn cấp phát đó và vốn vay theo chỉ tiêu kế hoạch được duyệt để thực hiện mục tiêu đưa công trình và từng bộ phận công trình vào sản xuất, sử dụng đúng kế hoạch.

Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung của Nhà nước.

Điều 39.— Các nguồn vốn do xí nghiệp huy động được đề tự đầu tư xây dựng cơ bản khi chưa dùng đến phải gửi vào ngân hàng và được hưởng lãi.

Xí nghiệp được vay vốn ngân hàng để thực hiện các biện pháp đầu tư theo chiều sâu, cải tiến kỹ thuật, mở rộng sản xuất kinh doanh, nếu ngân hàng thấy việc đó có hiệu quả và có nguồn vốn tín dụng.

Điều 40.— Xí nghiệp có ngoại tệ phải mở tài khoản và gửi hết số vốn ngoại tệ của mình vào ngân hàng ngoại thương. Ngân hàng bảo đảm giữ bí mật và tạo điều kiện sử dụng thuận tiện cho xí nghiệp, thông báo số dư hàng tháng cho chủ tài khoản.

Tiền gửi ngoại tệ được ngân hàng trả lại bằng ngoại tệ.

Điều 41.— Xí nghiệp vay vốn phải trả lãi tiền vay cho ngân hàng. Căn cứ vào Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng số 99-HĐBT ngày 29-6-1987 và số 218-HĐBT ngày 19-11-1987 về lãi suất tiền gửi và cho vay, Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các mức lãi suất cụ thể trong từng thời gian phù hợp với từng loại vay và loại hình xí nghiệp, phân biệt lãi suất vay bình thường và lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684

thực hiện chính sách tín dụng và lãi suất ưu đãi đối với các xí nghiệp sử dụng vốn vay đạt hiệu quả kinh tế cao, tăng nhanh vòng quay vốn và trả nợ ngân hàng trước hạn.

Điều 42. — Xí nghiệp được quyền chọn thể thức thanh toán thích hợp (séc, ủy nhiệm chi, chuyển tiền điện...) trong quan hệ mua, bán vật tư hàng hóa đối với mọi khách hàng.

Ngân hàng có trách nhiệm tổ chức công tác thanh toán thuận lợi, nhanh và phải bồi thường bằng tiền cho xí nghiệp trong trường hợp thanh toán chậm hoặc sai sót do lỗi của ngân hàng.

Phần thứ VII

KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Điều 43. — Hợp đồng kinh tế quy định quyền hạn và nghĩa vụ được thỏa thuận giữa các bên ký kết theo đúng luật về hợp đồng kinh tế, là một căn cứ ngày càng quan trọng để xí nghiệp xây dựng và thực hiện kế hoạch. Ký kết và thực hiện hợp đồng là một nguyên tắc hoạt động của các xí nghiệp. Mọi hoạt động trong sản xuất, kinh doanh (kể cả lưu thông, dịch vụ) của xí nghiệp có liên quan đến các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế và các cơ quan Nhà nước, các đơn vị vũ trang khác đều đưa vào hợp đồng kinh tế.

Điều 44. — Xí nghiệp có thể gửi các hợp đồng kinh tế đã ký kết đến cơ quan trọng tài kinh tế để theo dõi và giúp đỡ việc thực hiện.

Trọng tài kinh tế Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn các xí nghiệp trong việc

ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế, xây dựng và ban hành các quy chế có liên quan nhằm bảo đảm kỷ luật hợp đồng và thực hiện việc xét xử khi có đơn khiếu nại của bên ký kết hợp đồng hoặc phát hiện qua thanh tra và các nguồn khác.

Trọng tài kinh tế Nhà nước xây dựng và ban hành các quy chế về thanh tra giám sát việc chấp hành pháp luật về hợp đồng kinh tế, xét xử và giám sát xét xử về hợp đồng kinh tế nhằm bảo đảm tính thống nhất của pháp luật.

Chủ tịch Trọng tài kinh tế Nhà nước xây dựng và trình Hội đồng Bộ trưởng đề trình Hội đồng Nhà nước vào quý III năm 1988 Pháp lệnh về hợp đồng kinh tế và Pháp lệnh về trọng tài kinh tế.

Trong khi chưa có các quy chế mới về hợp đồng kinh tế, việc ký kết hợp đồng kinh tế và xét xử trong trường hợp vi phạm dựa trên các quy chế hiện hành.

Phần thứ VIII

LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ XÃ HỘI

Điều 45. — Xí nghiệp có quyền trực tiếp tuyển chọn lao động theo sự hướng dẫn về địa bàn tuyển của cơ quan lao động, hoặc đề nghị cơ quan lao động tuyển chọn lao động cho xí nghiệp theo tiêu chuẩn và yêu cầu của xí nghiệp.

Xí nghiệp ưu tiên tuyển chọn và sử dụng lao động thuộc diện chính sách ưu tiên của Nhà nước theo sự hướng dẫn của Bộ Lao động — Thương binh và xã hội.

Xí nghiệp được tuyển lao động có kỹ thuật, nghiệp vụ cao từ nơi khác đến nếu tại địa phương sở tại không có số lao động đó.

Xí nghiệp được từ chối không nhận những người do các ngành, các cấp, kể

cả do cơ quan lao động giới thiệu, nếu người đó không đủ tiêu chuẩn hoặc xí nghiệp không có nhu cầu.

Điều 46. — Đối với các xí nghiệp phải thường xuyên thay đổi địa bàn hoạt động như xây dựng cơ bản, giao thông, địa chất thì khi di chuyển sang địa bàn mới, xí nghiệp được đưa lao động kỹ thuật theo và tuyển lao động phổ thông tại chỗ.

Địa phương sở tại giải quyết mọi chế độ cho lao động của xí nghiệp như đăng ký tạm trú, bán lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, giải quyết mọi vấn đề y tế, giáo dục, xã hội cho số lao động này và các thành viên trong gia đình họ.

Điều 47. — Từ nay xí nghiệp quốc doanh thực hiện việc chuyển dần từng bước chế độ tuyển dụng vào biên chế Nhà nước sang chế độ hợp đồng lao động. Hợp đồng lao động do giám đốc xí nghiệp và người lao động thỏa thuận và ký trên cơ sở những nguyên tắc và hướng dẫn do Bộ Lao động — Thương binh và xã hội có sự tham gia của Tổng Công đoàn Việt Nam xây dựng và ban hành.

Hình thức hợp đồng bao gồm hợp đồng không thời hạn, hợp đồng có thời hạn, hợp đồng theo vụ, theo việc.

— Người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn và người làm việc theo chế độ hợp đồng có thời hạn từ một năm trở lên, được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, trợ cấp, bảo hộ lao động và bảo hiểm xã hội, phúc lợi tập thể như công nhân viên chức Nhà nước; được cấp sổ lao động để tính thâm niên công tác và thời gian công tác liên tục như chế độ hiện hành.

— Người làm việc theo chế độ hợp đồng theo vụ, theo việc dưới một năm thì tiền công do hai bên thỏa thuận. Mức tiền

công không được thấp hơn mức lương tối thiểu, cộng với phần phải bù chênh lệch giá các mặt hàng định lượng và chi phí bảo hiểm xã hội.

Điều 48. — Giám đốc có quyền cho người lao động trong biên chế thôi việc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trong các trường hợp họ vi phạm các quy định của Nhà nước hoặc vi phạm hợp đồng đã ký.

Giám đốc không được cho thôi việc trong trường hợp người lao động đang điều trị bệnh trong bệnh viện hoặc viện điều dưỡng, đang có thai hoặc đang nghỉ để theo chế độ.

Điều 49. — Khi giám đốc cho thôi việc hoặc người lao động vì những lý do chính đáng muốn xin thôi việc phải báo trước ít nhất 30 ngày, và người lao động được giải quyết quyền lợi thôi việc theo quy định của Nhà nước.

Nhà nước khuyến khích giám đốc và tập thể lao động xí nghiệp có những hình thức phong phú tạo môi trường xã hội lành mạnh để mọi thành viên gắn bó lâu dài với xí nghiệp.

Điều 50. — Mọi người lao động được thu nhập theo kết quả lao động của mình.

Xí nghiệp căn cứ thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp do Nhà nước quy định để tính đơn giá tiền lương trong sản phẩm theo các định mức kinh tế — kỹ thuật đã được xác định hợp lý và chặt chẽ. Đơn giá đó được điều chỉnh theo tình hình giá cả biến động từng thời kỳ. Quỹ lương của xí nghiệp được xác định tương ứng với khối lượng sản phẩm và đơn giá tiền lương hợp lý.

Xí nghiệp được chủ động lựa chọn hình thức và chế độ trả lương, trả thưởng phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của xí nghiệp và quán triệt nguyên

tác phân phối theo lao động; được xếp lương, nâng bậc lương cho công nhân, viên chức theo chế độ chính sách tiền lương của Nhà nước.

Thu nhập của người lao động trong xí nghiệp theo hiệu quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp và năng suất lao động của từng người lao động. Nhà nước chỉ quy định mức lương tối thiểu, không khống chế mức thu nhập tối đa. Trước mắt, Nhà nước có chính sách điều tiết thích hợp đối với các xí nghiệp có thu nhập thực tế quá cao so với điều kiện chung.

Bộ Lao động — Thương binh và xã hội cùng Bộ Tài chính và Tổng Công đoàn Việt Nam nghiên cứu xác định mức thu nhập hợp lý trong từng ngành nghề và xác định tỷ lệ điều tiết mức thu nhập hợp lý trên cơ sở thực hiện tốt chế độ thanh tra và kiểm tra Nhà nước về chi tiêu quỹ tiền lương và mức thu nhập của người lao động ở các xí nghiệp, trình Hội đồng Bộ trưởng xét vào quý I năm 1988.

Cấm các xí nghiệp dùng hình thức phân phối nội bộ bằng hiện vật bất kể từ nguồn nào.

Điều 51. — Từng thời kỳ, xí nghiệp phải có kế hoạch về biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động, điều kiện lao động và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đó.

Xí nghiệp có nghĩa vụ tuân thủ các quy định về điều kiện lao động, bảo hộ lao động và các quy phạm kỹ thuật an toàn; được dùng vốn tự có để trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân, viên chức trong xí nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 52. — Xí nghiệp có trách nhiệm trích nộp đầy đủ, đúng thời hạn quỹ bảo

hiểm xã hội và tổ chức quản lý tốt các sự nghiệp bảo hiểm xã hội của người lao động trong đơn vị. Bộ Lao động—Thương binh và xã hội cùng với các ngành liên quan xây dựng trình Hội đồng Bộ trưởng bổ sung sửa đổi các chế độ bảo hiểm cũ nhằm nâng dần tỷ lệ trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội để từng bước hạch toán đầy đủ vào giá thành sản phẩm và bảo đảm nguồn chi cho quỹ này.

Phần thứ IX

XUẤT NHẬP KHẨU VÀ HỢP TÁC KINH TẾ VỚI NƯỚC NGOÀI

Điều 53. — Nhà nước khuyến khích mọi xí nghiệp phát triển sản xuất hàng xuất khẩu để nhập khẩu. Xí nghiệp có sản phẩm xuất khẩu hoặc được nhập khẩu đều có nhiệm vụ chấp hành và được bảo đảm quyền lợi theo chính sách và cơ chế xuất nhập khẩu của Nhà nước.

Các xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước được Nhà nước chỉ định các tổ chức kinh doanh vật tư và tổ chức xuất, nhập khẩu bán vật tư, theo định mức kinh tế — kỹ thuật và mua sản phẩm theo hợp đồng kinh tế, và được hưởng chế độ khuyến khích đối với hàng xuất khẩu.

Điều 54. — Các xí nghiệp có đủ những điều kiện sau đây được tiến hành xuất, nhập khẩu hoặc hợp tác trực tiếp với nước ngoài:

1. Có số lượng sản phẩm xuất khẩu lớn, chất lượng cao và ổn định, đáp ứng nhu cầu của nước ngoài hoặc có sản phẩm

xuất khẩu độc đáo, được thị trường nước ngoài đặc biệt ưa chuộng thì được xuất khẩu trực tiếp.

Các xí nghiệp cần vật tư chuyên dụng của nước ngoài là vật tư chủ yếu để sản xuất ra lượng sản phẩm lớn phục vụ cho nhu cầu trong nước hoặc xuất khẩu được trực tiếp nhập khẩu số vật tư đó theo hạn mức ngoại tệ được duyệt.

2. Có đội ngũ cán bộ quán triệt được chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về xuất, nhập khẩu, am hiểu nghiệp vụ ngoại thương và được Bộ Ngoại thương cấp giấy phép đăng ký kinh doanh xuất nhập khẩu.

Tuân thủ các hiệp định hoặc các văn bản pháp lý quốc tế có liên quan mà Nhà nước ta đã ký kết.

Xí nghiệp được quyền trực tiếp xuất nhập khẩu và hợp tác kinh tế với nước ngoài phải:

- Tự trang trải giữa xuất và nhập.
- Chịu trách nhiệm trả vốn và lãi tiền vay nước ngoài bằng kết quả sản xuất kinh doanh của mình.
- Thực hiện việc đóng góp bằng ngoại tệ vào ngân sách Nhà nước theo quy định; Nhà nước có chính sách miễn giảm trong thời kỳ còn trả nợ.

Điều 55. — Khi hoàn thành kế hoạch pháp lệnh xuất khẩu, thực hiện đúng hợp đồng ký với nước ngoài, xí nghiệp được hưởng 10% ngoại tệ thực thu.

Đối với số hàng xuất khẩu ngoài chỉ tiêu pháp lệnh, bao gồm phần vượt kế hoạch hoặc sản phẩm không nằm trong kế hoạch, xí nghiệp được hưởng quyền sử dụng từ 70% đến 90% ngoại tệ (theo giá FOB); số ngoại tệ còn lại từ 10% đến 30%

xí nghiệp nộp và kết hối vào ngân sách Nhà nước.

Bộ Tài chính cùng Bộ Ngoại thương hướng dẫn cụ thể cách tính các tỷ lệ ngoại tệ xí nghiệp được hưởng và có nghĩa vụ nộp và kết hối vào ngân sách Nhà nước đã nói ở các điều 54 và 55 của Quy định này.

Điều 56. — Các xí nghiệp tiến hành xuất khẩu và nhập khẩu theo nguyên tắc:

a) Chỉ được xuất khẩu những sản phẩm do xí nghiệp làm ra hoặc do liên kết kinh tế, hợp tác sản xuất, chế biến mà có, và nhập khẩu những vật tư, hàng hóa chuyên dùng phục vụ cho sản xuất của xí nghiệp.

b) Khi ủy thác xuất nhập khẩu, xí nghiệp có quyền chọn cơ quan nhận ủy thác, phải ký kết hợp đồng kinh tế với các cơ quan nhận ủy thác, và thực hiện đúng hợp đồng đã ký, bảo đảm sự cam kết với nước ngoài.

c) Mọi hoạt động xuất nhập khẩu của xí nghiệp đều chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Ngoại thương.

Trường hợp có nhiều xí nghiệp cùng có sản phẩm xuất khẩu giống nhau, hoặc cũng có nhu cầu vật tư nhập khẩu giống nhau, việc xuất hoặc nhập khẩu phải thực hiện qua liên hiệp các xí nghiệp hoặc qua tổ chức liên doanh liên kết theo quy định của Nhà nước.

Điều 57. — Xí nghiệp (Liên hiệp) có sản phẩm xuất khẩu được cơ quan ngoại thương cấp thông tin về kinh tế và thị trường hàng hóa thế giới; được cử cán bộ đi khảo sát ở nước ngoài; được tham gia triển lãm, hội chợ quốc tế; được cử cán bộ tham gia các đoàn đàm phán với nước ngoài. Xí nghiệp tự chịu chi phí cần thiết cho các hoạt động đó.

Phần thứ X

**QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA
CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC TRONG
XÍ NGHIỆP**

Điều 58. — Quyền làm chủ tập thể của công nhân viên chức trong xí nghiệp được xác định trong Quyết định số 182-CP ngày 26-4-1979 của Hội đồng Chính phủ, phải được thực hiện nghiêm túc.

Bộ Lao động — Thương binh và xã hội cùng Tổng Công đoàn Việt Nam nghiên cứu hoàn thiện nội dung Quyết định này trình Hội đồng Bộ trưởng xem xét và trình Hội đồng Nhà nước ban hành dưới hình thức pháp lệnh.

Trước mắt, bổ sung các điểm chính sau đây:

1. Đại hội công nhân viên chức (đối với xí nghiệp lớn là đại hội đại biểu công nhân viên chức) được tổ chức mỗi năm từ một đến hai lần. Thông qua đại hội này, tập thể công nhân viên chức quyết định phương án phát triển và kế hoạch sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp theo đúng đường lối phát triển kinh tế — xã hội của Đảng, theo phương hướng và chỉ tiêu kế hoạch cũng như các chính sách của Nhà nước. Đại hội quyết định việc sử dụng các nguồn vốn và các quỹ của xí nghiệp, đề ra các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, nâng cao mức sinh hoạt vật chất và tinh thần của công nhân viên chức trong xí nghiệp, kể cả việc đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân viên chức của xí nghiệp.

2. Hội đồng xí nghiệp là cơ quan thường trực giữa hai kỳ đại hội công nhân viên chức, do đại hội bầu ra để giám sát bộ máy quản lý xí nghiệp trong

việc thực hiện nghị quyết của đại hội công nhân viên chức, tổ chức công nhân viên chức kiểm tra, kiểm soát việc sản xuất và phân phối kết quả sản xuất; kiến nghị với giám đốc những biện pháp cần thiết để thực hiện nghị quyết đại hội công nhân viên chức, đồng thời tôn trọng chế độ thủ trưởng của giám đốc. Trường hợp giữa giám đốc và Hội đồng xí nghiệp bất đồng ý kiến, giám đốc có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

Hội đồng xí nghiệp có quyền triệu tập bất thường đại hội công nhân viên chức hoặc đại hội đại biểu công nhân viên chức khi thấy cần thiết để cùng giám đốc xí nghiệp tìm ra những giải pháp nhằm đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp với hiệu quả cao hơn.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chịu trách nhiệm sơ kết, đánh giá việc tiến hành thí điểm bầu và bổ nhiệm giám đốc kết hợp với sự bổ nhiệm của cấp trên trong thời gian qua, trình Hội đồng Bộ trưởng vào quý I năm 1988.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
K. T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÔ VĂN KIẾT

**QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ
trưởng số 221-HDBT ngày
3-12-1987 về việc bổ sung chức
năng hoạt động của ngành
kinh tế lâm nghiệp.**

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng
ngày 4 tháng 7 năm 1981;

LawSoft * Tel: +84-8-846664